

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÙNG BIÊN VIỄN THỜI LÝ - TRẦN QUA TÀI LIỆU HÁN NÔM

PROTECTION AND DEVELOPMENT OF FRONTIER CULTURE
DURING THE LÝ - TRẦN DYNASTIES THROUGH HÁN-NÔM SOURCES

Đình Khắc Thuân^{1,*}

DOI: <https://doi.org/10.57001/huivh5804.2026.088>

TÓM TẮT

Bài báo nghiên cứu một số vấn đề tiêu biểu về chính sách bảo vệ và phát triển văn hóa vùng biên viễn phía Bắc thời Lý - Trần thông qua tài liệu Hán Nôm. Các triều đại phong kiến Đại Việt luôn nhất quán trong chính sách bảo vệ và phát triển văn hóa vùng biên viễn phía Bắc. Nơi đây là địa bàn cư trú của các dân tộc ít người có vai trò quan trọng như biên giới bảo vệ đất nước. Thời Lý - Trần không chỉ có chính sách văn hóa riêng cho biên viễn mà còn tập trung xây dựng văn hóa Đại Việt và đối phó với các mối đe dọa từ bên ngoài. Triều đình cũng luôn thể hiện sự coi trọng và đánh giá cao vai trò của các bộ tộc thiểu số trong việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và giữ gìn an ninh quốc gia. Tư liệu Hán Nôm liên quan đến các vấn đề biên giới lãnh thổ vùng biên viễn phía Bắc tuy bị thất lạc nhiều, song vẫn còn được bảo lưu ngay tại chính các địa phương này. Đó là những bia đá, chuông chùa, di chỉ khảo cổ học và thư tịch cổ... Đây không chỉ là tư liệu về biên giới lãnh thổ mà còn là dấu mốc khẳng định chủ quyền lãnh thổ vùng biên giới phía Bắc xa xôi qua các thời kỳ lịch sử.

Từ khóa: Nhu viễn, tù trưởng, xây chùa, đúc chuông.

ABSTRACT

Based on Hán - Nôm sources, this article outlines key features of policies to protect and develop the cultures of the northern frontier regions during the Lý - Trần dynasties. The dynasties of Đại Việt consistently pursued policies to protect and develop the cultures of the northern frontier regions. These areas were home to various ethnic minority groups who played an important role as border guardians defending the country. During the Lý and Trần periods, the court not only implemented specific cultural policies for the frontier but also focused on cultivating a unified Đại Việt national culture and responding to external threats. The royal government continually emphasized and highly valued the role of minority tribes in protecting territorial integrity and preserving national security. Although many Hán-Nôm documents related to territorial boundaries and northern borderlands have been lost, a significant body of material remains preserved in these very localities. These include stone steles, temple bells, archaeological sites, and ancient manuscripts. Such materials are not only records of border and territorial matters but also enduring markers affirming sovereignty over the remote northern frontiers throughout different historical periods.

Keywords: Pacifying and cultivating distant regions, chieftains, temple construction, bell casting.

¹Trường Đại học Phương Đông

*Email: thuanhannom@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/11/2025

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 05/01/2026

Ngày chấp nhận đăng: 28/4/2026

1. GIỚI THIỆU

Thời Lý - Trần mở đầu thời kỳ hưng thịnh của các triều đại độc lập, tự chủ của Việt Nam. Triều đình đặc biệt coi trọng phát triển vùng đất biên viễn, nhất là vùng đất xa xôi phía Bắc, nhằm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Đại Việt. Các chính sách này đồng thời cũng thể hiện các quan điểm về an ninh lãnh thổ và quan hệ ngoại giao với các triều đại

Trung Hoa trong lịch sử. Nó cho thấy, khi Trung Hoa mạnh, Đại Việt cũng tự cường bằng các thiết chế chính trị và văn hóa của riêng mình, nhằm đảm bảo lợi ích và an ninh giữa các nước [1, tr.263]. Bằng những biện pháp linh hoạt, thực tiễn nhằm thu phục, quy tụ các thủ lĩnh địa phương, nắm quyền kiểm soát của triều đình, phát triển văn hóa, mở rộng hoạt động Phật giáo tín ngưỡng ở vùng

đất địa đầu Tổ quốc. Điều đó được phản ánh khá cụ thể qua tài liệu Hán Nôm như được trình bày sau đây.

2. LIÊN HÔN GIA TỘC ĐỂ Củng cố BIÊN CƯƠNG

Một trong những chính sách nhằm xây dựng mối quan hệ ràng buộc với các tộc họ lớn vùng ven biên giới của triều đình Đại Việt thời Lý Trần là gả công chúa cho các thủ lĩnh vùng biên viễn. Các vua triều Lý đều rất thương các công chúa, nhưng vì nước mà phải gả các công chúa cho các thủ lĩnh vùng sơn cước để đổi lấy bình yên cho Đại Việt. Bộ Quốc sử thời Lê *Đại Việt sử ký toàn thư* đã ghi lại rằng, dưới thời Lý, ít nhất có khoảng 10 trường hợp gả công chúa cho tù trưởng, châu mục các châu thuộc vùng trung và thượng du phía Bắc Đại Việt. Vì thế, một dải biên cương dài rộng của đất nước được giữ vững, khối đoàn kết dân tộc được củng cố và thắt chặt.

Dưới thời vua Lý Thái Tông (1028 - 1054), công chúa Bình Dương được gả cho tù trưởng Phong Châu: "Kỷ Ty, Thiên Thành năm thứ 2 (1029), tháng 3 ngày mồng 7. Gả công chúa Bình Dương cho châu mục châu Lạng là Thân Triệu Thái" [2, tr.253]. Bình Tý Thông Thụy năm thứ 3 (1036), tháng 3, gả công chúa Kim Thành cho châu mục châu Phong là Lê Tông Thuận. Mùa thu, tháng 6, gả công chúa Trường Ninh cho châu mục châu Thượng Oai là Hà Thiện Lãm [2, tr.258]. Trong thời kỳ đầu của vua Lý Thánh Tông (1054 - 1072), công chúa Bình Dương được gả cho tù trưởng Lạng Châu là Thân Thiệu Thái. Đến đời vua Lý Nhân Tông (1072 - 1127), cũng có công chúa nhà Lý là Ngọc Kiều được gả cho châu mục Chân Đăng. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi: "Năm Quý Ty, Hội Tường Đại Khánh năm thứ 4 (1114), mùa Hạ tháng 6, phu nhân của Châu mục châu Chân Đăng là công chúa họ Lý mất. Phu nhân tên là Ngọc Kiều, con gái lớn của Phụng Càn Vương, được Thánh Tông nuôi trong cung, lớn lên phong làm công chúa, gả cho Châu mục châu Chân Đăng, người họ Lê. Chồng chết, phu nhân tự thê ở góa, đi tu làm sư nữ, đến đây mất, thọ 72 tuổi, được phong là Ni sư" [2, tr.286]. Cũng đời vua Lý Nhân Tông (1072 - 1128), công chúa Khâm Thành được gả cho Châu mục Vị Long là Hà Di Khánh. Dưới thời Lý Anh Tông (1138 - 1175), năm Giáp Tý (1144), công chúa Thiếu Dung được gả cho Châu mục Phú Lương là Dương Tự Minh [3, tr.481-496]

Tù trưởng phò mã đầu tiên của nhà Lý là Giáp Thừa Quý ở động Giáp. Trong chữ Hán, chữ Thân 申 chỉ khác chữ Giáp 甲 là kéo dài thêm nét sổ lên phía trên, nhằm phân biệt dòng quý tộc phò mã so với dòng bình dân. Từ đó ba đời liên họ Thân làm phò mã vua nhà Lý: Thân Thừa Quý lấy công chúa con vua Lý Thái Tổ; con là Thân Thiệu Thái lấy công chúa Bình Dương của vua Lý Thái Tông năm 1029 [2, tr.253]. Con Thân Thiệu Thái là Thân Cảnh Phúc lấy công

chúa Thiên Thành của vua Lý Thánh Tông năm 1066. Cả ba phò mã trên đều giữ chức Châu mục Lạng Châu. Họ đều rất trung thành với nhà Lý và có công lớn trong sự nghiệp bảo vệ vùng biên cương, chống lại mối đe dọa và xâm lăng của nhà Tống, đặc biệt là phò mã Thân Cảnh Phúc. Dòng họ Thân ở đây vốn là dòng họ lớn, có thế lực và địa bàn hoạt động rộng khắp vùng phía Bắc nước Đại Việt. Họ Thân này đã vững vàng trước mọi âm mưu, thủ đoạn mua chuộc, lừa phỉnh, và gây sức ép của triều đình nhà Tống ở Trung Quốc. Dòng họ này gắn chặt với nhà vua thông qua chính sách hôn nhân trong nhiều đời. Trong thắng lợi oanh liệt của kháng chiến chống Tống năm 1075 - 1077, có sự cống hiến to lớn của các tù trưởng cùng với các dân tộc thiểu số miền núi rừng biên cương phía bắc; trong đó nổi bật là vai trò của dân tộc Tày cổ vùng động Giáp với ba đời phò mã Châu mục Lạng Châu của Thân Thừa Quý, Thân Thiệu Thái và nhất là Thân Cảnh Phúc.

Do có những chính sách kết nối thông gia với các tù trưởng ở địa phương vùng biên viễn, ban cho quyền cao, chức trọng, nhận trọng trách triều đình giao phó, nhà Lý đã thâu tóm vững chắc dải biên cương rộng dài của đất nước. Các tù trưởng mang ơn tác thành của nhà vua nên ai cũng ra sức đền ơn báo đáp. Một tấm gương tiêu biểu trong số các phò mã là Dương Tự Minh, thủ lĩnh châu Phú Lương (Thái Nguyên). Vua Lý Anh Tông đã gả công chúa Thiếu Dung và phong Dương Tự Minh làm phò mã lang. Dương Tự Minh được vua Lý tin tưởng giao nhiệm vụ củng cố phòng tuyến Quảng Nguyên. Ông đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, lại được vua Lý Anh Tông tin cậy giao thêm việc cai quản các khe động ven biên giới giáp Quảng Tây... "Năm Giáp Tý (1144), xuống chiếu cho Dương Tự Minh cai quản việc hoạt động khe động dọc theo biên giới đường bộ [2, tr.315]. Tháng 8 năm Đại Định thứ 5 (1145), một người Tống là Đàm Hữu Lượng tụ tập dân địa phương Hoa Nam, kéo sang cướp phá châu Quảng Nguyên. Viên quan coi Quảng Tây đưa thư sang nhờ ta bắt họ. Dương Tự Minh cùng một số tướng được vua Lý sai đem quân đi đánh. Ông cho quân đánh mạnh vào Thông Nông (Cao Bằng), bắt được nhiều tay chân của Hữu Lượng. Hữu Lượng trốn thoát vào rừng, sau đó bị quân Tống bắt. Sau trận này, một thời gian dài, người Tống không dám cho quân sang quấy phá nước ta nữa [2, tr.315].

Trường hợp công chúa Khâm Thành được gả cho châu mục Vị Long cũng được tư liệu văn bia ghi chép khá cụ thể. Đó là văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc thuộc thôn Vĩnh Khoái xã Uyên Nguyên huyện Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang, nay là xã Chiêm Hóa tỉnh Tuyên Quang dựng năm 1107. Văn bia cho biết: Viễn tổ viên quan họ Hà ở Tuyên Quang là Hà Đắc Trọng từng làm quan Thái

thú châu Vị Long (nay thuộc huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang). Trải qua 13 đời, đều có công cai quản 49 động, 15 huyện. Đến ông nội được ban tước Thái bảo, nhân cưới con gái thứ 3 của vua Thái Tổ nhà Lý, được phong chức Hữu đại liêu ban; phu nhân (vợ) được gọi là Quận quân, phụ thân (cha) làm Thái phó. Năm Ất Mão đời Thái Ninh (1075), ông cầm quân sang đánh thành Ung Châu (trong chiến dịch này, Lý Thường Kiệt đi thuyền đổ bộ lên Liêm Châu để tiến đánh mặt sau). Đến Hà công (Hà Hưng Tông), nhân vật chính được đề cập trong văn bia, được cưới công chúa Khâm Thánh. Khi ấy, Hà công mới 9 tuổi, vua vời về kinh gả em gái cho. Năm sau, ông về Kinh đón cô dâu và lãnh chức Tả Đại liêu ban. Năm 1082, được rước cô dâu về bản địa. Năm 1085, bố mẹ ông qua đời. Năm 1086, được phong Tiết độ sứ, Tả Đại liêu ban, kiêm Tri châu Vị Long [4, tr.66]. Tiểu sử và các sự kiện liên quan đến vị Hà công này được ghi trong văn bia hoàn toàn trùng khớp với sự kiện và nhân vật Hà Di Khánh được ghi chép trong các bộ chính sử như *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*... Cụ thể, như *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỷ 3, tờ 11a) ghi: "Nhâm Tuất, Anh Vũ Chiêu Thắng năm thứ 7 (1082), mùa Xuân, gả công chúa Khâm Thánh cho Châu mục châu Vị Long là Hà Di Khánh. Khi ấy Khâm Thánh mới 9 tuổi, được vua vời về Kinh gả em gái cho. Năm sau, ông về Kinh đón cô dâu và được lãnh chức Tả Đại liêu ban" [2, tr.281]. Văn bia này là sử liệu quan trọng về tiểu sử nhân vật thuộc tộc họ Hà, cai quản vùng đất địa đầu phía bắc của quốc gia Đại Việt thời Lý. Đồng thời, đây còn là nguồn tư liệu quý giá, giúp xác định cụ thể hơn về chính sách vùng biên cương ngay từ đầu thời Lý và vai trò thủ lĩnh của viên quan địa phương này.

Triều nhà Lý, đi kinh lý miền thượng du, cho những tù trưởng các phiên trấn làm thủ lãnh coi việc binh dân, nhưng lại lo ngại khó chế ngự được họ, nên phải lấy việc hôn nhân để ràng buộc họ. Đó cũng là kế hoạch phủ dụ "ki mi" nơi biên phòng, để họ thành phiên hàng, phen dầu củng cố biên cương. Đồng thời, đây cũng là chính sách hòa hiếu của triều đình nhằm phủ dụ các châu mục địa phương vùng biên viễn. Kế hoạch này được các triều đại về sau áp dụng trên một phạm vi rộng lớn hơn trong các cuộc bang giao với các nước lân bang, nhằm gây thanh thế bằng cách giao hảo kết thân. Chẳng hạn, đến thời Trần, vua Trần Anh Tông gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân để đổi lấy đất Hóa Châu và giữ yên vùng biên viễn phía nam. Đến khi Chế Mân chết, vua Anh Tông sai Trần Khắc Chung sang đưa công chúa về nước. Sau đó, Công chúa thành Ni sư Hương Tràng tu tại chùa Hồ Sơn (Quảng Nghiêm tự), thuộc xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, Nam Định, nay thuộc xã Liên

Minh, tỉnh Ninh Bình. Thực tế, chính sách gả cưới, hôn nhân ở thời Lý và thời Trần từng là một sách lược của triều đình. Các công chúa của triều đình chính là những đặc sứ ngoại giao của triều đình; họ trở thành những sứ thần đi giao hảo, hình thành mối quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng, tạo điều kiện cho sự phát triển của đất nước...

Ngay sau khi lên ngôi, Lý Thái Tổ đặc biệt quan tâm đến vùng miền núi, biên cương, nơi có vị trí chiến lược, trọng yếu đối với việc bảo vệ đất nước, chống ngoại xâm. Một mặt, gả công chúa cho các châu mục nhằm thông qua quan lại địa phương để quyền lực nhà vua vươn ra vùng biên viễn, mặt khác, triều đình sai phái các quan lại quý tộc thân chinh ra trấn trị vùng biên viễn. Tư liệu văn bia ở vùng biên giới phía Bắc cho biết rõ điều đó. Thời Lý, trung tâm bộ máy chính quyền địa phương ở vùng Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, như ở đây đã có chùa, có văn bia Bảo Ninh Sùng Phúc khắc dựng năm 1107 ghi lại. Đến thời Trần, trung tâm đã chuyển dịch đến tận biên giới phía Bắc thuộc địa phận Hà Giang cũ với dấu tích việc dựng chùa, đúc chuông, như chuông chùa Bình Lâm ở xóm Mường Nam, xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, nay là xã Phú Linh tỉnh Tuyên Quang đúc vào năm Hưng Long thứ 4 (1296) và văn bia chùa Sùng Khánh xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, nay là xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang dựng năm Đại Trị thứ 10 (1399).

Như vậy, đối với vùng biên viễn xa xôi, nơi cư trú của các dân tộc ít người, nhà Lý đến nhà Trần áp dụng chính sách "ki mi" (ràng buộc lỏng lẻo) thông qua các cuộc hôn nhân, gả công chúa cho các tù trưởng lớn có thế lực để qua vai trò của họ tập hợp cư dân thành khối thống nhất quanh nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Đồng thời, ban chức tước được đặc ân ấm phong cha truyền con nối hưởng chức tước, bổng lộc của triều đình. Vì thế, các châu mục, tù trưởng dân tộc thiểu số ở vùng biên viễn đều là những người có thế lực rất lớn, nắm mọi quyền hành, quản lý cư dân thuộc tộc mình. Do đó, chính sách cơ bản được đặt ra là củng cố quốc gia thống nhất bằng cách ra sức tranh thủ các châu mục để thông qua họ, mở rộng ảnh hưởng của triều đình lên vùng miền núi, biên viễn.

Song song với chính sách liên hôn, triều Lý - Trần kiên quyết trừng trị các thế lực chống đối và dập tắt những xu hướng cát cứ. Trong thời gian trị vì của mình, vua Lý Thái Tổ đã trực tiếp cầm quân hoặc sai vương hầu, tướng lĩnh đem quân dẹp loạn vùng biên viễn. Điều đó được *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại như sau: "*Tháng hai năm Tân Hợi, Thuận Thiên năm thứ 2 (1011), vua thấy giặc Cử Long ở châu Ái hung hăng dữ tợn, qua hai triều Đinh, Lê không dẹp nổi nên ngày càng dữ, mới đem sáu lộ quân đi đánh, đốt bỏ lạc, bắt*

được tù trưởng đem về; giặc ấy liền tắt" [2, tr.242]. Tháng 12 năm Nhâm Tý (1012), người ở châu Vị Long (nay thuộc tỉnh Tuyên Quang) nổi loạn, Lý Thái Tổ sai quân tướng đi đánh dẹp, bắt được người và hơn 1 vạn con ngựa. Năm Giáp Dần (1014), người châu Vị Long lại làm phản, dẫn đường cho tướng nước Nam Chiếu (nay thuộc tỉnh Vân Nam - Trung Quốc) là Dương Trường Huệ và Đoàn Kính Chí đem 20 vạn quân vào cướp, đóng đồn ở bến Kim Hoa, dàn quân bày thế trận gọi là trại Ngũ Hoa. Được tin cấp báo của châu mục châu Bình Lâm (nay thuộc tỉnh Cao Bằng) là Hoàng Ấn Vinh, vua Lý Thái Tổ "sai Dực Thánh Vương đem quân đi đánh, chém được hơn 1 vạn đầu giặc, bắt sống được quân lính và ngựa không kể xiết" [2, tr.244]. Những sự kiện trên cho thấy, triều đình nhà Lý một mặt mềm dẻo, khôn khéo để phủ dụ và thu phục lòng người vùng biên viễn, mặt khác tỏ thái độ hết sức cứng rắn, kiên quyết trừng phạt kẻ bạo loạn, gây bất ổn nơi biên viễn.

Những chính sách đối với vùng biên viễn do vua Lý Thái Tổ tiến hành một cách khéo léo, mềm dẻo nhưng cương quyết thực sự có tác dụng rất lớn trong việc giữ gìn an ninh, bảo vệ lãnh thổ nơi biên cương. Nhiều thủ lĩnh, châu mục, tù trưởng đã đảm trách xứng đáng vai trò "phên dậu", quân giữ vùng đất xung yếu nơi biên thù của Tổ quốc. Vì thế, trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược kéo đến vùng biên viễn đều có sự tham gia, hậu thuẫn tích cực của lực lượng dân binh, thân binh của tù trưởng, thủ lĩnh vùng biên viễn. Họ cùng quân triều đình phối hợp đánh vào cơ sở hậu cần của giặc, sau đó tham gia cuộc kháng chiến chống xâm lược đầu năm Bính Thìn (1076), đánh bại quân Tống. Điều đó đã cho thấy nhãn quan chiến lược và kế sách sâu rộng của vị vua anh minh - Lý Thái Tổ.

Thời nhà Lý, tư tưởng chỉ đạo tác chiến rất tích cực, có ý chí tiến công cao, thể hiện trên cả hai mặt trận quân sự và ngoại giao. Để bảo đảm an ninh biên giới, vua cùng các vị quan triều Lý thường đích thân chỉ huy nhiều cuộc tuần tra, kiểm soát tại vùng biên ải. Bên cạnh đó, nhà Lý đã tiến hành hoạt động ngoại giao kiên quyết giữ vững độc lập chủ quyền, chống xâm lấn biên giới, giữ gìn an ninh, trật tự vùng giáp biên. Triều đình còn đề ra một số chủ trương, chính sách mềm dẻo, khoan dung nhằm thu phục các tù trưởng địa phương. Nhà vua thông qua đó nắm đất, nắm dân miền biên ải, đồng thời thắt chặt khối đoàn kết các dân tộc, mở rộng phạm vi ảnh hưởng của triều đình. Với chính sách mềm dẻo liên kết qua hôn nhân và các hình thức khác, nhà Lý đã thu phục được hầu hết các tù trưởng và người dân vùng biên ải, thu phục lòng người, thực hiện đoàn kết dân tộc, góp phần bảo vệ, giữ vững độc lập chủ quyền đất nước. Chính sách "Ki mi" ràng buộc các bộ tộc người miền

núi vùng biên giúp cho nhà nước Đại Việt thêm phần hùng mạnh. Đó là nhờ các chàng rể người dân tộc thiểu số góp công đánh giặc và giữ gìn cương giới từ xa. Các phò mã lang này có được người vợ dòng dõi, thủy chung, xinh đẹp là một ràng buộc chắc chắn với triều đình Đại Việt. Chính đó là "quyền lực mềm" [5] của nhà nước Đại Việt, trong đó công lao không nhỏ thuộc về các công chúa.

3. XÂY DỰNG CHÙA PHẬT, TỔ CHỨC ĐỨC CHUÔNG

Xây dựng chùa Phật, dựng bia, đúc chuông là truyền thống của người Việt vùng Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ Đại Việt trong các triều đại phong kiến Việt Nam từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần. Vùng biên viễn phía Bắc nước ta chủ yếu là dân tộc ít người, vốn không được tiếp xúc và du nhập Phật giáo đến, do vậy việc dựng chùa, thờ Phật ở đây hầu như không có. Tuy nhiên, trong sự giao lưu văn hóa và nhất là việc triều đình sai phái các quan lại miền xuôi lên trấn trị, cai quản vùng biên viễn, thì việc tiếp xúc và giao lưu văn hóa, trong đó có hoạt động Phật giáo, cũng xuất hiện. Nhất là từ thời Lý, Trần trở đi, vùng biên viễn được triều đình đặc biệt chú trọng, xây dựng dinh trấn cho quan lại và gia đình quan chức triều đình, địa phương nơi biên viễn định cư lâu năm. Vì thế, chùa Phật được xây dựng ngày càng nhiều.

Tài liệu khảo cổ học cho biết đã có khá nhiều ngôi chùa được xây dựng sớm ở vùng đất biên viễn phía Bắc nước ta. Tại di tích chùa Nậm Dầu, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (nay là xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang), địa đầu của đất nước, các nhà khảo cổ học đã tìm được nhiều di vật tiêu biểu, đặc sắc mang nét riêng của kiến trúc chùa thời Trần. Đặc biệt là, các trang trí kiến trúc như tượng rồng gắn trên ngói úp nóc, tượng uyên ương, đầu sư tử, tượng chim (phượng hoặc hạc), tất cả bằng đất nung. Điều đặc biệt hơn cả là trong số những di vật tìm thấy tại kiến trúc chùa Nậm Dầu thì có những di vật chỉ thấy có mặt tại Hoàng thành Thăng Long, hoặc ở các công trình lớn và quan trọng của triều đình, và có những di vật lần đầu tiên phát hiện được ở Việt Nam và ở miền Biên cương vùng núi phía bắc của tổ quốc: Đầu đao hai mặt tạo nổi hình rồng với kích thước khá lớn, tượng rồng, cá chép, uyên ương, được trang trí đẹp mắt. Từ những di vật tìm được, một lần nữa có thể khẳng định di tích quốc gia chùa Nậm Dầu được khởi dựng từ thời Trần, khoảng giữa thế kỷ XIII - XIV, với những kiến trúc đẹp, lộng lẫy, cầu kỳ vừa độc đáo với nét riêng có của vùng cao núi đá Hà Giang, nhưng vẫn mang tính phổ biến thống nhất trong nền văn hóa, văn minh Đại Việt thời Trần.

Nhiều chứng tích khảo cổ khác còn cho biết, Phật giáo đã có mặt và để lại dấu ấn khó phai tại đây từ thời nhà

Trần, khi Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật làm Trấn thủ đạo Đà Giang (năm 1280), thuộc tỉnh Yên Bái ngày nay. Khi ấy, tù trưởng Trịnh Giác Mật đã cùng với tướng lĩnh nhà Trần quy tụ các dân tộc anh em để chống giặc phương Bắc, bảo vệ cương thổ. Cũng từ những chứng cứ khảo cổ, chúng ta được biết rằng, để xây dựng những công trình Phật giáo khá quy mô, mang phong cách Chiêm - Việt, trong quá trình xây dựng, Trần Nhật Duật đã sử dụng các tù binh người Chiêm Thành làm nhân công. Tuy nhiên, phần lớn các công trình kiến trúc này đều bị hủy hoại trong chiến tranh chống quân Minh vào những năm đầu thế kỷ XV.

Về tài liệu bi kí, minh chuông Hán Nôm ở khu vực biên viễn phía Bắc nước ta, hiện còn bảo lưu một số di văn và di vật quý hiếm thời Lý Trần, là những di sản quý giá của dân tộc. Đó là bia và văn bia *Bảo Ninh Sùng Phúc* khắc vào thời Lý, năm 1107 ở Chiêm Hóa, Tuyên Quang; chuông chùa Bình Lâm thời Trần và bia chùa Sùng Khánh thời Trần cùng ở xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang.

Văn bia *Bảo Ninh Sùng Phúc* (hình 1) là bài văn bia Phật giáo thời Lý mẫu mực có bố cục gồm: người dựng bia, bài ký, bài minh và cuối cùng là tác giả. Tương tự như văn bia thời Lý khác, bia này không ghi niên đại khắc bia, nhưng có chung bố cục văn bia thời Lý như nêu trên. Dòng đầu tiên và dòng cuối cùng được khắc chữ nhỏ hơn so với các dòng chữ trong nội dung văn bia. Dòng cuối thì ghi rõ là soạn, tức là họ tên, chức tước của người được ghi ở dòng cuối này là người soạn văn bia; còn dòng đầu tiên do bia vỡ nên mất một số chữ, nhưng hoàn toàn nhận rõ đây là họ tên, chức tước của người chủ xưởng dựng bia này, như thường gặp trong các bia thời Lý khác.



Hình 1. Bia Bảo Ninh Sùng Phúc thời Lý ở Tuyên Quang (Ảnh tác giả)

Đó là Hà công, giữ chức Tri Vị Long châu, phụ ký lang, Đô tri Tả vũ vệ Đại tướng quân, Kim tử Quang lộc đại phu, Kiểm hiệu Thái phó, đồng Trung thư môn hạ Bình chương sự, kiêm Quản nội khuyến nông sự, Thượng trụ quốc, thực ấp ba nghìn chín trăm hộ, thực phong chín trăm hộ. 知渭龍州、駙驥郎、都知左武衛大將軍。金紫光祿大夫，檢校太傅、同中書門下平章事。兼管內勸農事、上柱國、食邑三千九百戶、食實封九百戶 (*Trưởng châu Vị Long, Phò mã (con rể vua), Đại tướng quân, Kim tử Quang lộc đại phu, Thái phó, Tể tướng, kiêm quản chức Khuyến nông, hàm Thượng Trụ quốc (quan đại thần), ban lộc 3.900 hộ, thực hưởng lộc từ thuế của 900 hộ*).

Tiếp đó là bài ký với phần mở đầu ca tụng sự nhiệm màu của đạo Phật, đặc biệt nhấn mạnh đến tượng pháp và sự cần kíp dựng chùa: "Ồi! Cái chân không trong lặng, giấu hình khi trời đất chưa chia; cái diệu hữu nảy sinh, bao trùm trước hữu hình vận động. Sáng suốt gạt bỏ cái "không", thì hình tướng không phải là không; u mê bám lấy cái "có", thì mẫu nhiệm chẳng phải là có. Xa nghĩ đức Phật tổ xưa, trí tuệ của người xem xét tất cả không sót một ai. Cho nên người: giấu kín cái "thực", làm rõ cái "quyển", để gọi bảo cái đạo "thường", "vui" mãi mãi; từ cái "không" đi vào cái "có" để giúp cho sự hồi hướng giải thoát đời đời. Khéo mở ra muôn vạn pháp môn; để dạy bảo muôn nghìn thế giới. Lênh đênh dòng nước trời Tây; vơi vơi suối nguồn Chu Mục. Bắt đầu xây dựng chùa; hết dạ tôn sùng tượng giáo. Người xưa khuyên bảo, đổi mới không ngừng; hậu thế lưu truyền, đời đời nối dõi. Kẻ có duyên thì cái ném đầu kim; người không hiểu thì nước trôi xô đá..." [6, tr.87]. Sau phần mở đầu là phần chính của văn bia, trình bày một cách tỉ mỉ công việc hay sự kiện diễn ra, ngôi ca vị thí chủ có công đức lớn lao trong việc hoằng dương Phật pháp, cũng như cứu giúp chúng sinh, phù trì cơ đồ quốc gia bền vững. Nội dung này là nguồn sử liệu quan trọng, bởi có thể nhận biết từ đó những thông tin cụ thể về gia thế, hành trạng của nhân vật lịch sử được đề cập, về quy mô kiến trúc của từng ngôi chùa cụ thể, cũng như các nghi thức tế lễ và hoạt động tín ngưỡng đương thời.

Bài minh trên văn bia Bảo Ninh Sùng Phúc thời Lý này cũng rất dài, gồm 32 câu. Bài minh thường là tóm lược lại toàn bộ bài kí trước đó, được trình bày dưới dạng văn vần, gồm 4 chữ. Tuy là sự "trình bày lại" bài kí, nhưng lại khá lớp lang, có vần điệu, khiến người đọc dễ hiểu, dễ nhớ. Người soạn văn bia là Lý Thừa Ân, (có sách chép là Lý Phụng Ân vì kiêng húy chữ Thừa thời Trần) chức Triều đình đại phu, đồng Thượng cấp môn sứ... Thượng thư Viên ngoại lang, tứ Tử kim ngư đại, một thức giả và đại thần trong triều đình nhà Lý [4, tr.90]. Nội dung văn bia

này cho biết, nhà Lý tôn sùng đạo Phật cho nên đã cho xây dựng rất nhiều chùa, tháp ở Thăng Long và khắp mọi nơi. Việc dựng chùa dưới thời này, nhất là các chùa lớn đều do chủ trương của nhà nước, có khi do nhà vua, triều đình tiến hành, có khi do các quan chức cấp cao thực hiện. Trong đó, có không ít công trình Phật giáo do chính nhà vua và người trong Hoàng tộc đứng ra xây dựng. Điều đó được phản ánh khá cụ thể trong văn bia thời Lý. Chẳng hạn, trong khi văn bia chùa Báo Ân núi An Hoạch (Thanh Hóa) khắc năm 1100 cho biết Lý Thường Kiệt khi cai quản trấn Thanh Hóa đã sai lấy đá núi An Hoạch xây chùa Báo Ân, thì văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc ở Chiêm Hóa, Tuyên Quang dựng năm 1107 ghi về một ngôi chùa Phật được dựng ở vùng núi phía Bắc gần với các dòng tộc thủ lĩnh biên ải. Cũng nhờ thông tin văn bia, có thể nhận thấy rằng ngôi chùa thời Lý - Trần mà phần lớn thuộc sở hữu tư nhân của tầng lớp quý tộc đã hoàn toàn chuyển sang sở hữu công cộng của cộng đồng làng xã từ thời Mạc thế kỉ XVI, khi hàng loạt ngôi chùa Lý - Trần bị lãng quên trong thời Lê sơ thế kỉ XV thì nhất nhất được tái tạo bởi cộng đồng làng xã dưới thời Mạc. Chính chùa Bảo Ninh Sùng Phúc được dựng lên do vị chủ quan vùng đất này khởi xướng, nhằm phục vụ cho những gia đình quý tộc, đồng thời khẳng định sự tôn sùng Phật giáo của triều đình, khẳng định chủ quyền quốc gia trên vùng đất địa đầu tổ quốc thời văn minh Đại Việt - Lý Trần.

Bia chùa Sùng Khánh, huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang, nay là xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang khắc ngày tháng 3 năm Đinh Mùi, niên hiệu Đại Trị thứ 10 (1367). Người soạn văn bia là Phụng độc học sinh, Thư sử trực thủ là Tạ Thúc Ngao, hiệu Sở Khanh. Văn bia ghi việc ông Nguyễn công (vốn là họ Lý đổi ra họ Nguyễn vào thời Trần) là Phụ đạo vùng đất này, giác ngộ đạo Phật, đã cho dựng chùa tô tượng Phật. Trên mặt sau văn bia này ghi: "權父道阮天仗泊晚覺居士共施那嫩田壹圓。悟善居士施奴二人尚大，美庵，并水牛一頭、施為三寶物 (*Quyên Phụ đạo Nguyễn Thiên Trọng và Văn Giác cư sĩ cúng thí ruộng ở xứ Nà Nộn 1 viên (mẫu). Ngộ Thiện cư sĩ cúng dâng hai nô tì là Thăng Đại và Mỹ Am, cùng một con trâu làm của Tam bảo*) [7, tr.209]. Thông tin trên cho biết ngôi chùa này do một vị Phụ đạo, viên quan nhà Trần cai quản vùng biên cương này xây dựng. Chế độ phụ đạo ở đây được cha truyền con nối và những người họ Nguyễn giữ; những người giữ chức phụ đạo này chính là những quý tộc gốc họ Lý, được sai phái lên cai quản vùng biên ải phía Bắc, đã phải đổi sang họ Nguyễn vào thời Trần. Ngôi chùa này vào thời Trần đã có tượng Phật.

Chuông chùa Bình Lâm xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang được đúc năm Hưng Long thứ 4 (1296). Văn bản khắc trên

4 mặt chuông, cho biết chùa Bình Lâm từ thời Trần thuộc châu Bà Đồng Thượng giáp giới phía Bắc trường Phú Linh nước Đại Việt. Người kể nổi tu bồ chùa là thủ lĩnh Nguyễn Anh và vợ là Nguyễn Thị Ninh, cùng tín thí đứng ra đúc chuông vào năm Ất Mùi (1295). Chuông vốn được đúc ở mái hiên Tiểu Thượng Niên viện Đại Bi trong thành (hoàng thành) để cúng vào chùa Bình Lâm. Vì thế năm sau mới cho khắc văn bản lên chuông. Họ tên người công đúc chuông đều mang họ Nguyễn, vốn là họ Lý, công thần triều Lý trấn ải vùng đất biên viễn này, phải đổi sang họ Nguyễn dưới thời nhà Trần. Việc người họ Lý phải đổi sang họ Nguyễn dưới thời Trần còn được ghi rõ trên văn bia thời Trần chùa Sùng Khánh như sau: "... chùa Sùng Khánh ở hương Hoàng Nông, giang Thông, trường Phí Linh là do người chú của vị Phụ đạo họ Nguyễn tên là Ân, tự là Văn Giác sáng lập ra...".



Hình 2. Chuông chùa Bình Lâm thời Trần ở Tuyên Quang (Ảnh tác giả)

Minh chuông chùa Bình Lâm khắc năm Hưng Long thứ 4 (1296) cũng ghi lại rằng: "Nay kể nổi sau là thủ lĩnh Nguyễn Anh và vợ là Nguyễn Thị Ninh cùng thái ông lão bà, thiện nam tín nữ phát tâm đúc quả chuông lớn vào giờ Ngọ ngày rằm tháng 3 năm Ất Mùi (1295) ở mái hiên Tiểu Thượng Niên, viện Đại Bi trong thành để lưu truyền mãi ở chùa Bình Lâm... [7, tr.315]. Như vậy, chủ nhân đúc quả chuông này là vợ chồng vị Thủ lĩnh họ Nguyễn và vị Phụ đạo được ghi trên bia chùa Sùng Khánh cũng họ Nguyễn. Những vị hưng công, công đức khác xây dựng chùa Sùng Khánh và đúc chuông chùa Bình Lâm đều là người đứng đầu ở địa phương và cùng mang họ Nguyễn. Các vị họ Nguyễn này vốn là họ Lý, là các hoàng tộc nhà Lý được sai phái lên trấn giữ vùng biên viễn; đến thời Trần, vì lệ kiêng húy mà đổi từ Lý sang Nguyễn.

May mắn thay, một bia thời Lý, một bia thời Trần và một chuông thời Trần ở Tuyên Quang nêu ở trên đã được lưu giữ đến ngày nay, và cả ba đều đã trở thành Bảo vật quốc gia. Tuy nhiên, không phải lúc nào những di vật này cũng được nhận ra giá trị. Có những lúc, các di vật này đã bị lãng quên, nguy cơ bị mất mát hoặc bị hủy hoại. Đó là trường hợp quả chuông chùa Bình Lâm (hình 2). Năm 2003, chúng tôi đến khảo sát ngôi chùa này, chùa nằm riêng biệt một nơi xa dân cư, không có người trông coi. Tường vây chỉ là mấy tấm gỗ thưa mỏng, ai cũng có thể ra vào bất cứ lúc nào. Quả chuông được treo trên một giá gỗ nhỏ, không có bất kỳ công cụ bảo vệ nào. Cũng nhờ việc nghiên cứu, giới thiệu rộng rãi giá trị và ý nghĩa của những chuông và di vật quý giá này mà các cấp chính quyền và cơ quan quản lý văn hóa đã nhận biết được giá trị và quan tâm hơn. Đặc biệt, nhân dịp chuẩn bị cho đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long, ngôi chùa thời Trần này được xây dựng lại khá khang trang, quả chuông được bảo vệ nghiêm ngặt. Và gần đây chuông chùa Bình Lâm được tôn vinh là bảo vật quốc gia [8, tr.221-223].

Trường hợp bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc ở Tuyên Quang thì không được may mắn như vậy, bởi nó đã bị hủy hoại từ lâu. Nhờ bài văn bia được sao chép và giới thiệu rộng rãi trên sách báo, nên bia mới được thu gom về về gắn lại, cùng với ngôi chùa cũng được xây dựng lại trên nền cũ [9, tr.61-67]. Cũng nói thêm rằng, ở vùng đất thuộc Cao Bằng ngày nay, vốn có quả chuông và minh văn thời Lý. Nhưng chuông thì không còn, chỉ duy có minh văn trên chuông thì được chép trong thư khố Trung Quốc, đến nay chúng ta mới biết được [10, tr.23-39]. Một quả chuông khác thời Trần, vô cùng quý hiếm, cũng bị mất. Đó là chuông quán Bạch Hạc (Phú Thọ). Chuông vẫn còn tồn tại đến trước khi EFEO in rập thạc bản (năm 1945) và tồn tại đến khi GS. Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm đến khảo sát để viết sách *Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII* [11], nhưng sau đó bị mất, không rõ từ khi nào. Vì thế, vấn đề nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa dân tộc vùng biên viễn cần được thường xuyên chú trọng, lan tỏa sức mạnh văn hóa và lòng tự hào dân tộc mà cha ông ta đã dày công vun đắp.

4. KẾT LUẬN

Bảo vệ vùng biên giới xa xôi không chỉ là quân sự, mà còn là văn hóa - xã hội - kinh tế và nhiều khía cạnh khác. Trong đó, số phận con người là vấn đề hàng đầu cần giải quyết để giải quyết mọi xung đột. Đồng thời với chủ trương kiên định bảo vệ chủ quyền, phát triển bền vững vùng biên viễn, triều đại thời nhà Lý nhà Trần đã thể hiện ý chí và giải pháp hiệu quả nhằm kiểm soát và phát triển vùng biên viễn phía bắc thông qua chính sách kết nối

thông giao với lãnh tụ địa phương, đồng thời mở rộng hoạt động Phật giáo, thu phục nhân tâm đến vùng biên viễn xa xôi đất nước. Kết quả là cả vùng đất biên viễn phía bắc xa xôi trong suốt thời Lý Trần khá ổn định và ngày càng phát triển, góp phần bảo vệ vững chắc lãnh thổ tổ quốc.

Điều đó được tài liệu Hán Nôm mà cụ thể là tài liệu bi kí, minh chuông ở vùng đất này phản ánh khá cụ thể. Thực tế, bi kí, minh chuông thời Lý - Trần gắn với vùng đất vùng biên giới, như bằng chứng xác thực về những sự kiện lịch sử diễn ra ở đây trong lịch sử. Những bi kí và minh chuông đó đều lưu giữ dấu ấn của triều đình, của hoàng đế ở vùng biên viễn, cũng chính là ý chí và mốc giới khẳng định chủ quyền lãnh thổ ở vùng biên cương xa xôi của tổ quốc. Đồng thời cũng thể hiện chính sách phát triển và mở rộng Phật giáo đến tận vùng xa xôi nơi biên thổ. Việc mở rộng hoạt động Phật giáo tại vùng biên viễn vừa là như cầu trực tiếp của quan lại trấn trị ở đó,

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. James Anderson, "Distinguishing Between China and Vietnam: Three Relational Equilibriums in Sino-Vietnamese Relations," *Journal of East Asian Studies*, 13/2023, 259-280, 2013.
- [2]. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản kỷ, bản dịch. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
- [3]. Geng H.L., "A Study on Marital Relations and Power Structure under the Reign of Emperor Li Yingzong," in *Research on the History of Sino-Foreign Relations: New Historical Materials and New Issues*, Peking University, Beijing: Science Press, 481-496, 2003 (耿慧玲: 〈李英宗朝婚姻關係與權力結構研究〉北京大學《中外研究史: 新史料與新問題》北京, 科學出版社, 481-496, 2003)。
- [4]. Đinh Khắc Thuân, "Văn bản và giá trị sử liệu văn bia Bảo Ninh Sùng Phúc tỉnh Tuyên Quang," *Tạp chí Hán Nôm*, 5 (114), 66-72, 2012.
- [5]. Đặng Việt Thủy, "Liên kết qua hôn nhân - một chính sách "nhu viễn" của nhà Lý," *Báo điện tử Biên phòng*, 2018.
- [6]. Nguyễn Văn Thịnh (Chủ biên), *Văn bia thời Lý*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
- [7]. Đinh Khắc Thuân, *Văn bia thời Trần*. NXB Văn hóa dân tộc, 2016.
- [8]. Đinh Khắc Thuân, "Tư liệu Hán Nôm tại hai ngôi chùa thời Trần ở Hà Giang," *Thông báo Hán Nôm học* năm 2023, 221-223, 2023.
- [9]. Đinh Khắc Thuân, "Về văn bản bia Bảo Ninh Sùng Phúc thời Lý ở Tuyên Quang," *Tạp chí Hán Nôm*, 4, 61-67, 2012.
- [10]. Phạm Lê Huy, Trần Quang Đức, "Khảo cứu về Tư lang châu Sùng Khánh tự chung minh (1113)," *Tạp chí Hán Nôm*, 4, 23-39, 2013.
- [11]. Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, *Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975.

AUTHOR INFORMATION

Dinh Khắc Thuân

Phuong Dong University, Vietnam